

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\*\*\*

## **BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 17/DKSH VN/2022**

### **I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

**Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM**

**Địa chỉ:** 23 Đại Lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**Điện thoại:** 0274 - 3756312

**Fax:** 0274 - 3756313

**E-mail:** yen.thimy.huynh@dksh.com

**Mã số doanh nghiệp:** 3700303206

**Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:** được miễn cấp.

### **II. Thông tin về sản phẩm**

#### **1. Tên sản phẩm:**

**KẸO CAY CON TÀU KHÔNG ĐƯỜNG VỊ MENTHOL & HƯƠNG LÝ CHUA ĐEN  
FISHERMAN'S FRIEND BLACKCURRANT  
SUGAR FREE MENTHOL FLAVOUR LOZENGES**

**2. Thành phần:** Chất tạo ngọt tổng hợp 420(i), hương lý chua đen giống tự nhiên, chất chống đông vón 470(iii), bột hương menthol tự nhiên (có chứa menthol 0,5%), chất tạo ngọt tổng hợp (955, Acesulfame K 950).

#### **3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

48 tháng kể từ ngày sản xuất.

#### **4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách đóng gói: Gói 25 g (Khoảng 22 viên).

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng polyester/polyethylene, đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế.

#### **5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Nhà sản xuất: DCH CONTRACT MANUFACTURING SDN. BHD.,

Địa chỉ: Lot 6 Persiaran Perusahaan, Seksyen 23 Kawasan Perusahaan Shah Alam, 40300 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

Cho: LOFTHOUSE OF FLEETWOOD LTD.



Địa chỉ: Maritime Street, Fleetwood, FY7 7LP, Anh.

**Xuất xứ:** Malaysia.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** xem đính kèm.

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:** Tiêu chuẩn Nhà sản xuất đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 15 tháng 09 năm 2022  
  
**CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM**  
  
**HUỲNH THỊ MỸ YẾN**  
**QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ SẢN PHẨM**  
**NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG**



# LOFTHOUSE OF FLEETWOOD LTD.

Registered Office:  
Maritime Street, Fleetwood, Lancs., FY7 7LP  
Telephone (01253) 872435 & 879100  
<http://www.fishermansfriend.com>



|                                                                                    |                                            |              |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------|
| <b>FINISHED PRODUCT SPECIFICATION</b><br><b>TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM</b> | No. Document:<br><i>Số tiêu chuẩn:</i>     | 001/2022/LoF |
|                                                                                    | Effectuated Date:<br><i>Ngày hiệu lực:</i> | 17/08/2022   |

|                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Product Name</b><br><i>Tên sản phẩm</i>  | <b>FISHERMAN'S FRIEND BLACKCURRANT SUGAR FREE MENTHOL FLAVOUR LOZENGES</b><br><b>KẸO CAY CON TÀU KHÔNG ĐƯỜNG VỊ MENTHOL &amp; HƯƠNG LÝ CHUA ĐEN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Category/Loại sản phẩm</b>               | Hard Candy/Kẹo cứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Manufacturer</b><br><i>Nhà sản xuất</i>  | DCH Contract Manufacturing Sdn. Bhd., Lot 6 Persiaran Perusahaan, Seksyen 23 Kawasan Perusahaan Shah Alam, 40300 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia<br>For/Cho: Lofthouse of Fleetwood Ltd., Maritime Street, Fleetwood, FY7 7LP, England.                                                                                                                                                                                             |
| <b>Net weight/Khối lượng tịnh</b>           | 25 g (22 lozenges)/ 25 g (khoảng 22 viên)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>Ingredient list</b><br><i>Thành phần</i> | Synthetic sweetener Sorbitol 420(i), Nature Identical Blackcurrant Flavour, Anticaking agent Magnesium Stearate 470(iii), Natural Flavouring Menthol Powder (contains Menthol 0.5 %), Synthetic sweeteners (955, Acesulfame K 950)/ <i>Chất tạo ngọt tổng hợp 420(i), hương lý chua đen giống tự nhiên, chất chống đông vón 470(iii), bột hương menthol tự nhiên (có chứa menthol 0,5 %), chất tạo ngọt tổng hợp (955, Acesulfame K 950).</i> |

| <b>Parameter/Chỉ tiêu</b>                                   | <b>Unit of Measure/Đơn vị tính</b> | <b>Max. Norm/Mức tối đa</b> | <b>Note/Ghi chú</b> |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|---------------------|
| Arsenic/ <i>Arsen</i>                                       | mg/kg                              | 1.0                         |                     |
| Cadmium/ <i>Cadmi</i>                                       | mg/kg                              | 1.0                         |                     |
| Lead/ <i>Chì</i>                                            | mg/kg                              | 0.5                         |                     |
| Mercury/ <i>Thủy Ngân</i>                                   | mg/kg                              | 0.06                        |                     |
| Aflatoxin B1/ <i>Aflatoxin B1</i>                           | µg/kg                              | 5                           |                     |
| Aflatoxin total/ <i>Aflatoxin tổng số</i>                   | µg/kg                              | 15                          |                     |
| Total visible count/ <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>    | CFU/g                              | 10 <sup>4</sup>             |                     |
| <i>E. coli</i> / <i>E.coli</i>                              | CFU/g                              | 10                          |                     |
| Mould & Yeast/ <i>Tổng số bào tử nấm men - nấm mốc</i>      | CFU/g                              | 10 <sup>2</sup>             |                     |
| <i>Salmonella</i> / <i>Salmonella</i>                       | /25g                               | ND/Không phát hiện          |                     |
| <i>Staphylococcus aureus</i> / <i>Staphylococcus aureus</i> | CFU/g                              | 20                          |                     |

|                                              |                                                                |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| <b>Packaging material/ Chất liệu bao bì</b>  | Polyester/polyethylene                                         |
| <b>Shelf life/ Hạn dùng</b>                  | 48 months/ 48 tháng kể từ ngày sản xuất                        |
| <b>Storage condition/ Điều kiện bảo quản</b> | Store in cool and dry place/ Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. |

*A. Hales*

A. Hales, B. Sc., M.Sc., A.M.R.S.C  
Technical Support Manager (Product Regulatory Compliance)/  
*Trưởng bộ phận hỗ trợ kỹ thuật (sự hòa hợp của sản phẩm)*

D.C. LOFTHOUSE (Managing Director), L.M. LOFTHOUSE (Director)  
Registered in England No. 781277

# FISHERMAN'S FRIEND

**pulse.**

32-38 Station Road, Heaton Mersey  
Stockport, Cheshire, SK4 3QT  
T: +44 (0)161 432 2225  
E: sales@pulsemedia.uk.com  
www.pulsemedia.uk.com

**PULSE REF** 338915-D01  
**DATE** 07-Sep-22  
**TIME** 09:09:11  
**CUSTOMER** Lofthouse of Fleetwood Ltd  
**CONTACT**  
**JOB TITLE** PSZ94 - Vietnam Purple Stripe 25g Zip  
Pack Wrapper  
**PROJECT ID** Vietnam  
**AC HANDLER** Helena Axon  
**OPERATOR** sam.pickering  
**PROCESS** Flexo  
**PHASE TYPE** Artwork Amend 4 AC  
**PRINTER** REPRO - FLEXO SLEEVE / BAG  
**CODE** PSZ94  
**COL. PROFILE** COXB\_014\_NX\_R\_CGS\_WB  
**FORME**  
**SIZE (MM)** 160 x 115  
**BARCODE 1** 5000357110204  
**TYPE** EAN 13  
**BWR**  
**BARCODE 2**  
**TYPE**  
**BWR**  
**PHARMA CODE**

1 25 50 100 Colour - Lpi - Angle - Ink Coverage

|                       |         |     |       |
|-----------------------|---------|-----|-------|
| C                     | 120 lpi | 7°  | 0.0%  |
| M                     | 120 lpi | 67° | 0.1%  |
| Y                     | 120 lpi | 0°  | 0.1%  |
| K                     | 120 lpi | 37° | 10.0% |
| 485                   | 120 lpi | 37° | 2.4%  |
| 2587                  | 120 lpi | 7°  | 15.5% |
| 2577                  | 120 lpi | 67° | 2.8%  |
| Outter                | 120 lpi | 37° | 1.4%  |
| Fishermans Friend Red | 120 lpi | 45° | 0.0%  |

The PANTONE colours on this proof are for  
REFERENCE ONLY. Please match to an original  
PANTONE Swatch Library.

"Quality control and the efficient use of packaging  
requires that minimum order quantities be used  
within a two-year period. The value of any packaging  
stocks remaining after this time may be chargeable."



## Testing Report / Báo cáo Kết quả Phân tích

Applicant / ref. (Khách hàng / số yêu cầu) : DKSH VIETNAM CO., LTD/  
 CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM

Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : KẸO CAY CON TÀU KHÔNG ĐƯỜNG VỊ MENTHOL & HƯƠNG LÝ CHUA ĐEN (FISHERMAN'S FRIEND BLACKCURRANT SUGAR FREE MENTHOL FLAVOUR LOZENGES)

Sample description (Mô tả mẫu) : FISHERMAN'S FRIEND BLACKCURRANT SUGAR FREE MENTHOL FLAVOUR LOZENGES/ KẸO CAY CON TÀU KHÔNG ĐƯỜNG VỊ MENTHOL & HƯƠNG LÝ CHUA ĐEN

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample submitted/ Mẫu nhận từ khách hàng

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 27-Jun-2022/ 27-06-2022

Sample tested on (Ngày phân tích) : 28-Jun-2022/ 28-06-2022

## Testing Results / Kết quả phân tích

| No./STT | Parameters / Chỉ tiêu                             | Unit / Đơn vị | Result / Kết quả                | LOD / Giới hạn phát hiện | Test Method / Phương pháp phân tích                     |
|---------|---------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1       | Aflatoxin B1                                      | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 1.00                     | FST-WI01 Chapter 14-2 (LC/MS/MS)                        |
| 2       | Aflatoxin B2                                      | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 1.00                     | FST-WI01 Chapter 14-2 (LC/MS/MS)                        |
| 3       | Aflatoxin G1                                      | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 1.00                     | FST-WI01 Chapter 14-2 (LC/MS/MS)                        |
| 4       | Aflatoxin G2                                      | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 1.00                     | FST-WI01 Chapter 14-2 (LC/MS/MS)                        |
| 5       | Arsenic (As) content/<br>Hàm lượng Asen (As)      | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.03                     | AOAC 986.15 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019) Modified (AAS) |
| 6       | Cadmium (Cd) content/<br>Hàm lượng Cadimi (Cd)    | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.008                    | AOAC 999.10 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019) Modified (AAS) |
| 7       | Lead (Pb) content/<br>Hàm lượng Chì (Pb)          | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.03                     | AOAC 999.10 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019) Modified (AAS) |
| 8       | Mercury (Hg) content/<br>Hàm lượng thủy ngân (Hg) | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.008                    | AOAC 974.14 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019) Modified (AAS) |
| 9       | <i>E.coli</i>                                     | CFU/g         | <10                             | -                        | ISO 16649-2: 2001                                       |
| 10      | <i>Enterobacteriaceae</i>                         | CFU/g         | <10                             | -                        | ISO 21528-2: 2017                                       |
| 11      | <i>Salmonella</i> spp.                            | /25g          | Not detected<br>Không phát hiện | -                        | ISO 6579-1:2017/Amd1:2020                               |

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

### Intertek Vietnam Limited

Food Office & Laboratory  
 M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,  
 Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887  
 Email: [cs.cantho@intertek.com](mailto:cs.cantho@intertek.com)  
 Website: [www.intertek.com](http://www.intertek.com) / [www.intertek.vn](http://www.intertek.vn)



Effective date: 09/03/2020



VILAS 278

WON: FST220612576-1

Date/Ngày: 05-Jul-2022/05-07-2022

| No./STT | Parameters / Chỉ tiêu                              | Unit / Đơn vị | Result / Kết quả | LOD / Giới hạn phát hiện | Test Method / Phương pháp phân tích |
|---------|----------------------------------------------------|---------------|------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| 12      | <i>Staphylococcus aureus</i>                       | CFU/g         | <10              | -                        | AOAC 975.55                         |
| 13      | TPC (30°C)/<br>Tổng số vi sinh vật hiếu khí (30°C) | CFU/g         | <10              | -                        | ISO 4833-1:2013                     |
| 14      | Yeasts and Moulds/<br>Nấm men và nấm mốc           | CFU/g         | <10              | -                        | ISO 21527-1: 2008                   |

**Note /Ghi chú:**

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. LOD: Limit of detection / Giới hạn phát hiện.
3. LOQ: Limit of quantification/ Giới hạn định lượng.
4. (\*) Parameters are not accredited ISO 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025.
5. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony/ Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

On behalf of Intertek Vietnam-Cantho branch



Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

**Intertek Vietnam Limited****Food Office & Laboratory**

M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,  
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887

Email: [cs.cantho@intertek.com](mailto:cs.cantho@intertek.com)Website: [www.intertek.com](http://www.intertek.com) / [www.intertek.vn](http://www.intertek.vn)

Effective date: 09/03/2020